ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 800 /QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 535/NQ-HĐND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 5 năm giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp niên khóa 2022 – 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 631/TTr-LĐTBXH ngày 09/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, năm 2022.

(Kèm theo Phụ lục danh mục nghề đào tạo)

Thời gian đào tạo được tính theo giờ thực học, tùy theo điều kiện thực tế của từng ngành, nghề các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể bố trí thời gian học kéo dài hơn, nhưng vẫn phải đảm bảo tổng số giờ học theo quy định (phải được cụ thể hóa trong kế hoạch đào tạo của đơn vị).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt danh mục một số nghề phát sinh ngoài các nghề đã có trong danh mục hoặc các nghề đã có trong danh mục nhưng thời gian đào tạo khác nhau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, tthuy.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Nguyễn Lưu Trung

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 25.03.2022 08:42:22 +07:00

Phụ lục

DANH MỤC NGHỀ ĐÀO TẠO CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN; LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ KHU DU LỊCH; LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG, NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 800 /QĐ-UBND ngày 25 /3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. Nghề nông nghiệp

TT	Nghề đào tạo	Thời gian thực học (giờ)
I.	**Dạy nghề thường xuyên (đào tạo dưới 3 tháng)**	
01	Kỹ thuật (KT) vườn ao chuồng	100
02	KT trồng rau mầm	100
03	KT trồng rau hữu cơ	100
04	KT trồng mía	100
05	KT trồng củ cải	100
06	KT trồng ấu	100
07	KT trồng bắp (ngô)	100
08	KT trồng cà chua	100
09	KT nuôi lươn, ếch	100
10	KT chăn nuôi heo	100
11	KT nuôi cá thát lát cườm	100
12	KT trồng, chăm sóc, thu hoạch hồ tiêu	100
13	KT trồng rau an toàn	100
14	KT trồng rau sạch Vietgap	100
15	KT trồng khóm	100
16	KT nuôi cá rô đồng sinh sản nhân tạo	100
17	KT nuôi cá bóng mú lồng bè	100
18	KT vỗ béo bò	100
19	KT truyền giống bò, heo	100
20	KT nuôi heo nái sinh sản	100
21	KT nuôi tôm quảng canh	100
22	KT cơ bản nuôi tôm công nghiệp	120

23	KT sản xuất giống cua biển	120
24	KT chăn nuôi gia cầm	150
25	KT trồng lúa chất hữu cơ	188
26	KT nhân giống lúa	188
27	KT trồng dưa leo	188
28	KT trồng lan - bon sai	188
29	KT chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học	188
30	KT ương vèo tôm, cua giống	188
31	KT nuôi vẹm xanh	188
32	KT nuôi tôm - cua - lúa	188
33	KT nuôi cá thát lát cườm	188
34	KT chăn nuôi bò	188
35	KT trồng nấm rơm, nấm bào ngư, linh chi	188
36	KT trồng lúa chất lượng cao	188
37	KT trồng cây ăn quả	188
38	KT trồng hoa kiểng	188
39	KT trồng dưa hấu	188
40	KT chế biến thủy sản	188
41	KT chăn nuôi gà và phương pháp phòng trị bệnh	188
42	KT chăn nuôi heo và phương pháp phòng trị bệnh	188
43	KT nuôi tôm lúa	188
44	KT nuôi cá bóng tượng	188
45	KT nuôi tôm càng xanh	188
46	KT nuôi cá chẽm	188
47	KT nuôi lươn, ếch	188
48	KT nuôi cá lóc, cá rô đồng, cá rô đầu vuông	188
49	KT kỹ thuật nuôi rắn	188
50	KT nuôi cua biển	188
51	KT nuôi tôm sú	188
52	KT nuôi cá đối, cá dìa xen canh tôm	188
53	KT nuôi cá lồng bè trên biển	188
54	KT nuôi tôm thẻ chân trắng	188
55	KT nuôi cá thát lát	188
56	KT nuôi cá trê vàng	188
57	KT Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	188
58	KT nuôi đa loại thủy sản (cua, sú, thẻ, càng xanh)	188

59	KT ương giống và nuôi nghêu, sò	188
60	KT ươm tôm, cua giống	188
61	KT nuôi trùn quế	188
62	KT nuôi ruồi lính đen	188
63	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	188
64	KT nuôi cua đinh	188
65	KT nuôi chồn hương	188
66	KT nuôi ốc bưu đen	188
67	KT trồng lan	188
68	KT chăn nuôi Dế và phương pháp phòng trị bệnh	224
69	KT chăn nuôi Rắn mối và phương pháp phòng trị bệnh	224
70	Chăm sóc hoa viên, cây cảnh	250
71	Dược lý thú y thủy sản	276
II.	**Sơ cấp**	
01	Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp	303
02	Kỹ thuật bon sai-hoa kiểng	318
03	Nuôi tôm thẻ chân trắng	440
04	Mua bán, bảo quản phân bón	540
05	Quản lý công trình thủy nông	540
06	Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	540
07	Sản xuất thức ăn hỗn hợp chăn nuôi	540
08	Chế biến sản phẩm từ bột gạo	540
09	Chế biến sản phẩm từ đậu nành	540
10	Sản xuất giống một số loài cá nước ngọt	540
11	Trồng hoa lan	540
12	Trồng khoai lang, sắn	540
13	Trồng đậu tương, đậu phộng	540
14	Trồng thanh long	540
15	Trồng và nhân giống nấm	540
16	Trồng bắp (Ngô)	540
17	Vi nhân giống hoa	540
18	Nhân giống cây ăn quả	540
19	Nuôi ong mật	540
20	Ương giống và nuôi nghêu, sò	540
21	Nuôi tôm thẻ chân trắng công nghiệp	540
22	Nuôi tôm sú công nghiệp	540

23	Nuôi cua biển	540
24	Lắp ráp và sửa chữa ngư cụ	540

B. Nghề phi nông nghiệp

TT	Nghề đào tạo	Thời gian thực học (giờ)
I.	**Dạy nghề thường xuyên (đào tạo dưới 3 tháng)**	
01	Hoa voan nghệ thuật	100
02	Bó chổi	100
03	Đan lục bình	100
04	Đan giỏ xách từ dây nhựa	100
05	Đan giỏ quà từ cọng dừa	100
06	Đan sản phẩm từ tre trúc	100
07	Đan sản phẩm thủ công từ dây – bẹ chuối	100
08	Đan rập cua	100
09	Ráp lú dây	100
10	Trầm nón lá	100
11	Bảo trì và sửa chữa máy phun thuốc trừ sâu	100
12	Bảo trì và sửa chữa máy phun phân bón	100
13	Bảo trì và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí	100
14	Cài đặt, bảo trì máy tính	100
15	Tin học văn phòng (mở rộng)	100
16	Y tế du lịch	100
17	Sơ cấp cứu	100
18	An ninh khách sạn	100
19	KT lập trình PLC cơ bản	100
20	KT lập trình PLC nâng cao	100
21	Tiện cơ bản	100
22	Tiện nâng cao	100
23	Phây cơ bản	100
24	An toàn vệ sinh thực phẩm	100
25	Kỹ năng giao tiếp và lễ tân ngoại giao	100
26	Kỹ năng bán hàng (Tiếp thị cơ bản)	100
27	Quản trị, bảo mật mạng máy tính	100
28	Quản lý ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản cấp xã	120
29	Nghiệp vụ pha chế (Pha chế thức uống)	120

30	Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính	120
31	Quản lý hợp tác xã	120
32	Quản lý Nhà hàng – Khách sạn	120
33	Tiện – Phay CNC	120
34	Dự toán công trình	120
35	Dựng phối cảnh công trình bằng sketch Up	120
36	Lập trình điều khiển tự động ARDUINO	120
37	Lập trình ứng dụng trên ANDROID	120
38	Bảo trì và sửa chữa động cơ phun xăng điện tử	120
39	Bảo trì và sửa chữa động cơ phun dầu điện tử	120
40	Chăm sóc da	150
41	Cộng tác viên y tế	150
42	Thiết kế, lập trình đèn led quảng cáo	150
43	Vận hành dây chuyền sản xuất xi măng cơ bản	150
44	Vận hành dây chuyền sản xuất xi măng nâng cao	150
45	Bồi dưỡng kiến thức du lịch	150
46	Đan cỏ bàng	160
47	KT nề hoàn thiện	160
48	KT cốt thép và bê tong	160
49	KT cốt pha – giàn giáo	160
50	Thủ công mỹ nghệ từ vỏ ốc, vỏ sò	188
51	Đan ghế từ dây nhựa	188
52	Sửa chữa thiết bị điện tử tàu biển	188
53	Thủ công mỹ nghệ từ hạt cườm	188
54	Sửa chữa động cơ phun xăng điện tử	188
55	May công nghiệp	188
56	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	188
57	Sửa chữa hệ thống điện thân xe ô tô	200
58	KT chế biến món ăn (KT nấu ăn)	200
59	Tiếng anh giao tiếp	200
60	Tiếng anh du lịch	200
61	Sửa chữa động cơ ô tô phun xăng điện tử	200
62	KT vận hành xe nâng (Lái xe nâng hạ)	200
63	Marketing du lịch	200
64	Trang điểm	276
65	Làm móng	276

66	Nghiệp vụ buồng	276
67	Nghiệp vụ bàn	276
68	Nghiệp vụ lễ tân	276
69	Nghiệp vụ Pha chế (Bartender)	276
70	Điện lạnh dân dụng	276
71	KT may giày công nghiệp	276
72	Sửa chữa vận hành thiết bị điện	276
73	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô	276
II.	**Sơ cấp**	
01	Tiếng Hàn du lịch	300
02	Quản lý Khách sạn vừa và nhỏ	300
03	Điều hành Tour du lịch	300
04	Tin học văn phòng	300
05	Sửa chữa xe gắn máy	300
06	Sửa chữa máy nổ (động cơ xăng và Diesel)	300
07	KT vận hành xe nâng (Lái xe nâng hạ)	300
08	Nghiệp vụ pha chế tổng hợp	300
09	Nghiệp vụ nhà hàng	312
10	Kế toán doanh nghiệp	315
10	Kế toán hành chính sự nghiệp	315
12	Kế toán thương mại dịch vụ - sản xuất	315
13	KT máy lạnh và điều hoà không khí	318
14	Nghiệp vụ pha chế (Bartender)	318
15	Kỹ thuật nấu ăn	318
16	Chế biến thủy sản	320
17	Chăm sóc da, phun xăm, điêu khắc	320
18	Nghiệp vụ bếp trưởng – chuyên ngành bếp bánh	345
19	Nghiệp vụ bar trưởng	355
20	Nghiệp vụ buồng, bàn	360
21	Nghiệp vụ buồng	360
22	Nghiệp vụ bàn	360
23	Nghiệp vụ lễ tân	360
24	Nghiệp vụ bếp	360
25	Tiếng anh du lịch	360
26	Du lịch cộng đồng	360
27	Nghiệp vụ bếp trưởng	375

28	Nghiệp vụ bếp trưởng – chuyên ngành bếp việt	375
29	Điện nước công trình	380
30	Hàn điện (Gò – Hàn)	392
31	May công nghiệp	396
32	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô	400
33	Sửa chữa xe gắn máy	405
34	Xây dựng dân dụng	410
35	Quản trị doanh nghiệp nhỏ	420
36	Kinh doanh sản phẩm nông nghiệp	420
37	KT chế biến món ăn Á - Âu	420
38	Lái xe nâng hạ (lái xe nâng hạ)	420
39	Kế toán doanh nghiệp	435
40	Tiếng anh du lịch	450
41	Hàn điện (Gò – Hàn)	465
42	Sữa chữa, bảo trì tủ lạnh và máy điều hoà không khí	465
43	KT máy lạnh và điều hòa không khí	520
44	Nghiệp vụ buồng, bàn	540
45	Nghiệp vụ Hướng dẫn viên	540
46	Quản lý Khách sạn vừa và nhỏ	540
47	KT xây dựng	540
48	Sửa chữa máy tàu thủy	540
49	Sửa chữa máy nổ	540
50	Sửa chữa động cơ phun xăng	540
51	Tiện	540
52	Hệ thống chiếu sáng tín hiệu ôtô	540
53	Hệ thống lạnh ôtô	540
54	Khảm trai hoa văn dây leo	540
55	KT gia công bàn ghế	540
56	Sửa chữa lắp đặt mạng cấp, thoát nước gia đình	540
57	Lắp đặt điện nội thất	540
58	Hàn hơi và Inox	540
59	Hàn điện	540
60	Trang điểm thẩm mỹ	540
61	KT xây, trát công trình	540
62	KT ốp lát công trình	540
63	KT cốt pha, cốt thép	540

64	Sửa chữa xe gắn máy	540
65	Gò hàn nông thôn	540
66	Điện tử dân dụng	540
67	KT sửa chữa điện lạnh	540
68	Điện nước công trình	540
69	Điện dân dụng	540
70	Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp	540
71	Cắt uốn tóc	540
72	Vệ sĩ	540
73	May dân dụng	540
74	May công nghiệp	540
75	KT bảo dưỡng và sửa chữa mô tơ điện	540
76	Vận hành, sửa chữa xe đào xúc	540
77	Nghiệp vụ bếp	540
78	Nghiệp vụ lễ tân	540
79	Nghiệp vụ bàn	540
80	Nghiệp vụ buồng	540
81	KT chế biến món ăn	540
82	KT trong khách sạn - resort	540
83	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và máy điều hòa nhiệt độ	540
84	Sửa chữa điện và điện lạnh ôtô	560
85	KT gia công tủ	716
86	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ	716
87	Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ	716
88	Sửa chữa cơ điện nông thôn	716
89	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô	716
90	Sửa chữa máy kéo công suất nhỏ	716
91	Thiết kế tạo mẫu tóc	892